

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Trương Hữu Quyến	Thành viên
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2010

Số: 043/2011 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam áp dụng cho công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam, các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 trình bày cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 8 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		233.909.330.779	208.158.353.316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	146.242.077.653	120.282.199.675
1. Tiền	111		46.433.301.403	23.276.779.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		99.808.776.250	97.005.420.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.658.638.631	64.440.836.261
1. Phải thu khách hàng	131		49.744.814.335	50.109.983.915
2. Trả trước cho người bán	132		3.698.278.347	12.210.908.122
3. Các khoản phải thu khác	135		215.545.949	2.119.944.224
III. Hàng tồn kho	140	6	21.141.015.983	13.345.644.878
1. Hàng tồn kho	141		21.352.306.319	13.345.644.878
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(211.290.336)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.867.598.512	10.089.672.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.886.507.086	5.237.569.489
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.149.548.167	2.062.526.697
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.831.543.259	2.789.576.316
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		287.879.354.797	273.796.183.563
I. Tài sản cố định	220		181.116.540.260	167.937.522.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	78.709.904.125	77.582.427.339
- Nguyên giá	222		143.130.881.658	125.436.363.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.420.977.533)	(47.853.936.163)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.452.717.392	1.520.411.532
- Nguyên giá	228		2.012.516.200	2.012.516.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(559.798.808)	(492.104.668)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	100.953.918.743	88.834.683.988
II. Bất động sản đầu tư	240	10	86.125.101.482	87.115.748.954
- Nguyên giá	241		92.353.475.752	92.353.475.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.228.374.270)	(5.237.726.798)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.000.000	205.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		205.000.000	205.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.432.713.055	18.537.911.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.012.876.552	18.205.666.882
2. Tài sản dài hạn khác	268		419.836.503	332.244.868
TỔNG TÀI SẢN	270		521.788.685.576	481.954.536.879

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010		31/12/2009	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		185.350.422.971		194.311.998.560	
I. Nợ ngắn hạn	310		86.365.163.781		94.335.381.863	
1. Phải trả người bán	312		9.169.860.734		12.785.132.423	
2. Người mua trả tiền trước	313		51.970.141.216		36.914.375.439	
3. Phải trả người lao động	315		6.964.891.896		7.479.656.987	
4. Chi phí phải trả	316		82.907.200		238.038.500	
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	1.508.096.309		23.077.587.158	
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.669.266.426		13.840.591.356	
II. Nợ dài hạn	330		98.985.259.190		99.976.616.697	
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.410.768.325		4.451.858.125	
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		94.574.490.865		95.524.758.572	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.819.643.351		287.642.538.319	
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	333.819.643.351		287.642.538.319	
1. Vốn điều lệ	411		107.000.000.000		107.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000		37.000.000.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		69.397.461.510		69.397.461.510	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		53.085.098.169		2.445.644.923	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.145.369.083		9.405.379.928	
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		55.191.714.589		62.394.051.958	
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	430	14	2.618.619.254		-	
TỔNG NGUỒN VỐN	440		521.788.685.576		481.954.536.879	

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
1. Ngoại tệ các loại (USD)		2.753.225	2.731.739



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 8 năm 2010

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét)	
			Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		216.498.036.841	135.913.426.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	216.498.036.841	135.913.426.924
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	(124.697.914.815)	(83.984.091.004)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.800.122.026	51.929.335.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.167.469.737	2.489.590.603
7. Chi phí tài chính	22		(79.262.717)	-
8. Chi phí bán hàng	24		(17.859.246.076)	(9.897.239.513)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.129.068.118)	(6.808.812.581)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		68.900.014.852	37.712.874.429
11. Thu nhập khác	31		368.527.177	332.053.364
12. Chi phí khác	32		(135.504.435)	(97.744.178)
13. Lợi nhuận khác	40		233.022.742	234.309.186
14. Lợi nhuận trước thuế	50		69.133.037.594	37.947.183.615
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	(9.035.159.975)	(4.813.422.327)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		60.097.877.619	33.133.761.288
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
- Cổ đông của Công ty			60.097.877.619	33.133.761.288
17. Lợi trên cổ phiếu	70	18	5.463	3.096



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 8 năm 2010

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị: Đồng

Từ 1/1/2009

Mã số Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 đến 30/6/2009 (chưa soát xét)

CHỈ TIÊU**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.133.037.594	37.947.183.615
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.486.475.530	6.772.770.250
- Các khoản dự phòng	03	211.290.336	(273.072.523)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.641.153.438)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.526.316.299)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.663.333.723	44.446.881.342
- Giảm các khoản phải thu	09	9.647.874.376	13.557.902.887
- Tăng hàng tồn kho	10	(8.006.661.441)	(2.803.385.483)
- Giảm các khoản phải trả	11	(9.477.138.551)	(82.216.093.829)
- Giảm chi phí trả trước	12	(2.456.147.267)	(1.836.714.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.647.018.484)	(1.500.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.025.550.276)	(4.067.218.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.698.692.080	(34.418.627.504)

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(21.556.283.839)	(47.939.755.529)
2. Tiền thu bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	19.000.000
3. Thu lãi tiền gửi	27	3.526.316.299	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.029.967.540)	(47.920.755.529)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	74.000.000.000
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(5.350.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.350.000.000)	74.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn	50	24.318.724.540	(8.339.383.033)
Tiền và tương đương tiền đầu giai đoạn	60	120.282.199.675	117.754.838.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.641.153.438	-
Tiền và tương đương tiền cuối giai đoạn	70	146.242.077.653	109.415.455.905

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 8 năm 2010Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con, cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mìn; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 485 người (31 tháng 12 năm 2009: 480 người).

Công ty con

Công ty Liên doanh United Potteries Bình Đức (sau đây gọi tắt là “Bình Đức”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận phép đầu tư số 1056/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 11 năm 1994 và các giấy phép điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Bình Đức đặt tại ấp Bình Đức, xã Bình Nhâm, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của Bình Đức là sản xuất kinh doanh các sản phẩm gốm sứ và các phụ kiện có liên quan.

Vốn điều lệ của công ty con và quyền sở hữu và tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 chi tiết như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký USD	Vốn điều lệ đã góp USD	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh United Potteries Bình Đức	326.530	326.530	Ấp Bình Đức, xã Bình Nhâm, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	51	51	Sản xuất và kinh doanh gốm sứ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6. Đây là báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên, nên không so sánh được với số liệu kỳ trước là số liệu báo cáo riêng của Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 244/2009/TT-BTC bổ sung, điều chỉnh và hướng dẫn áp dụng chính sách kế toán mới. Theo đó, Công ty đã trình bày lại số liệu một số khoản mục trên báo cáo tài chính đã công bố năm trước cho mục đích so sánh. Khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát) và khoản doanh thu chưa thực hiện (trình bày trong khoản người mua trả tiền trước) với số dư lần lượt là 13.397.098.452 đồng, 443.492.904 đồng và 95.524.758.572 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại và trình bày lại tại chỉ tiêu Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc giai đoạn cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (sau đây gọi tắt là "công ty con") được lập cho đến ngày kết thúc giai đoạn. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong giai đoạn được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc giai đoạn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc và thiết bị tại phân xưởng gạch từ 120 tháng lên 144 tháng. Ban Giám đốc tin tưởng rằng thời gian khấu hao này phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng tài sản của các tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao tài sản làm cho chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2010 giảm 158.904.238 đồng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản tiền đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ ba đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc giai đoạn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc giai đoạn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty con - Bình Đức được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi Bình Đức chấm dứt hoạt động.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc giai đoạn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong giai đoạn. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các giai đoạn khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2%



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	678.531.145	275.442.797
Tiền gửi ngân hàng	45.754.770.258	23.001.336.878
Các khoản tương đương tiền	99.808.776.250	97.005.420.000
	<u>146.242.077.653</u>	<u>120.282.199.675</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đô la Mỹ và đồng Việt Nam với thời hạn từ 1 đến 3 tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	4.638.194.285	3.829.843.725
Công cụ, dụng cụ	7.514.286	17.147.749
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	102.028.604
Thành phẩm	16.706.597.748	9.359.339.108
Hàng hóa	-	37.285.692
Cộng	<u>21.352.306.319</u>	<u>13.345.644.878</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(211.290.336)	-
	<u>21.141.015.983</u>	<u>13.345.644.878</u>

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	32.370.266.409	59.052.655.487	32.217.399.169	1.796.042.437	125.436.363.502
Tăng trong giai đoạn	-	7.835.354.048	-	41.750.000	7.877.104.048
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	1.010.044.465	267.828.571	282.072.000	-	1.559.945.036
Tăng do mua Công ty con	3.783.602.046	4.136.506.048	206.633.010	130.727.968	8.257.469.072
Tại ngày 30/6/2010	<u>37.163.912.920</u>	<u>71.292.344.154</u>	<u>32.706.104.179</u>	<u>1.968.520.405</u>	<u>143.130.881.658</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	12.415.093.061	24.063.487.011	10.039.914.210	1.335.441.881	47.853.936.163
Khấu hao trong giai đoạn	1.457.687.793	4.281.878.871	2.528.349.277	115.559.204	8.383.475.145
Tăng do mua Công ty con	3.730.188.279	4.116.016.968	206.633.010	130.727.968	8.183.566.225
Tại ngày 30/6/2010	<u>17.602.969.133</u>	<u>32.461.382.850</u>	<u>12.774.896.497</u>	<u>1.581.729.053</u>	<u>64.420.977.533</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2010	<u>19.560.943.787</u>	<u>38.830.961.304</u>	<u>19.931.207.682</u>	<u>386.791.352</u>	<u>78.709.904.125</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>19.955.173.348</u>	<u>34.989.168.476</u>	<u>22.177.484.959</u>	<u>460.600.556</u>	<u>77.582.427.339</u>

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 21.479.566.770 đồng (năm 2009: 13.917.920.009 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010 và 30/6/2010	1.807.721.600	204.794.600	2.012.516.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	349.263.711	142.840.957	492.104.668
Trích khấu hao trong giai đoạn	37.738.578	29.955.562	67.694.140
Tại ngày 30/6/2010	<u>387.002.289</u>	<u>172.796.519</u>	<u>559.798.808</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	<u>1.420.719.311</u>	<u>31.998.081</u>	<u>1.452.717.392</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.458.457.889</u>	<u>61.953.643</u>	<u>1.520.411.532</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu	88.834.683.988	39.699.110.980
Tăng	20.229.423.215	98.377.587.093
Kết chuyển sang tài sản cố định	(1.559.945.036)	(17.220.513.415)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(25.058.987.285)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.550.243.424)	(6.962.513.385)
Số dư cuối	<u>100.953.918.743</u>	<u>88.834.683.988</u>

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Cơ sở hạ tầng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010 và 30/6/2010	30.436.883.639	61.916.592.113	92.353.475.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	2.372.673.184	2.865.053.614	5.237.726.798
Trích khấu hao trong giai đoạn	327.111.616	663.535.856	990.647.472
Tại ngày 30/6/2010	<u>2.699.784.800</u>	<u>3.528.589.470</u>	<u>6.228.374.270</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	<u>27.737.098.839</u>	<u>58.388.002.643</u>	<u>86.125.101.482</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>28.064.210.455</u>	<u>59.051.538.499</u>	<u>87.115.748.954</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm kết thúc giai đoạn, Công ty chưa quyết toán được giá trị công trình xây dựng nên giá trị bất động sản đầu tư hiện đang tạm ghi nhận và trích khấu hao theo giá trị thực tế phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Do nguyên nhân nêu trên, Công ty hiện không thể xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 vì không có bất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

cứ tài sản cùng loại nào trên thị trường để có thể xác định giá trị hợp lý của những bất động sản này, tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư là tương đương với nhau.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 <u>VNĐ</u>	2009 <u>VNĐ</u>
Số dư đầu	18.205.666.882	13.256.764.350
Tăng trong giai đoạn/năm	4.039.615.141	11.016.807.517
Tăng từ hợp nhất Công ty con	58.972.702	-
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.550.243.424	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.395.278.940)	-
Phân bổ vào chi phí trong giai đoạn/ năm	<u>(7.446.342.657)</u>	<u>(6.067.904.985)</u>
Số dư cuối	<u>20.012.876.552</u>	<u>18.205.666.882</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	30/6/2010 <u>VNĐ</u>	31/12/2009 <u>VNĐ</u>
Cổ tức phải trả	18.575.000	21.422.450.000
Phải trả, phải nộp khác	<u>1.489.521.309</u>	<u>1.656.337.158</u>
	<u>1.508.096.309</u>	<u>23.078.787.158</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2010	31/12/2009
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	10.700.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>107.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	10.700.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>107.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 20 tháng 1 năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ lên 107.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước là cổ đông sáng lập và cổ đông lớn duy nhất hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***MẪU B 09-DN/HN**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	70.000.000.000	-	-	55.614.864.378	5.527.597.668	35.326.523.573	166.468.985.619
Tăng vốn trong năm	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-	-	74.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	92.458.012.385	92.458.012.385
Phân phối các quỹ	-	-	-	16.228.242.055	3.877.782.260	(33.290.484.000)	(13.184.459.685)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(32.100.000.000)	(32.100.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	69.397.461.510	(69.397.461.510)	-	-	-
Số dư tại 31/12/2009	107.000.000.000	37.000.000.000	69.397.461.510	2.445.644.923	9.405.379.928	62.394.051.958	287.642.538.319
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	60.097.877.619	60.097.877.619
Phân phối các quỹ	-	-	-	10.639.453.246	2.544.128.031	(21.833.616.581)	(8.650.035.304)
Tăng do mua Công ty con	-	-	-	-	195.861.124	-	195.861.124
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.350.000.000)	(5.350.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)	-
Điều chỉnh hợp nhất báo cáo	-	-	-	-	-	(116.598.407)	(116.598.407)
Số dư tại 30/6/2010	107.000.000.000	37.000.000.000	69.397.461.510	53.085.098.169	12.145.369.083	55.191.714.589	333.819.643.351

Trong sáu tháng đầu năm 2010, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2009 là 5.350.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 với tỷ lệ là 5% mệnh giá và trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận chưa phân phối với số tiền là 40 tỷ vào theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2010.

Trong giai đoạn, Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ lần lượt là 15%, 5%, 5% và 2% trên lợi nhuận sau thuế năm 2009 với tổng giá trị là 21.833.616.581 đồng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng /6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***14. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trình bày ở phần vốn chủ sở hữu theo giá trị tài sản thuần và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Bình Đức.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	VND
Vốn điều lệ của công ty con	6.055.172.320
Trong đó:	
Vốn góp của Công ty	3.088.137.883
Vốn góp của cổ đông thiểu số	2.967.034.437
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2010:

	VND
Tổng tài sản	5.381.228.768
Tổng nợ phải trả	(37.107.842)
Tài sản thuần	5.344.120.926
<i>Chi tiết như sau:</i>	
Vốn điều lệ	6.055.172.320
Các quỹ khác	384.041.419
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.095.092.813)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	
<i>Chi tiết như sau:</i>	
Vốn điều lệ	2.967.034.437
Các quỹ khác	188.180.295
Lợi nhuận chưa phân phối	(536.595.478)

15. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VND
Doanh thu bán hàng	212.444.027.568	133.122.244.112
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.054.009.273	2.791.182.812
	216.498.036.841	135.913.426.924

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VND
Giá vốn hàng bán	122.314.980.797	83.984.091.004
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.382.934.018	-
	124.697.914.815	83.984.091.004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng /6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	69.133.037.594	37.947.183.615
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.641.153.438)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.030.056.607	560.195.000
Thu nhập chịu thuế	68.521.940.763	38.507.378.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.130.485.191	9.626.844.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(8.095.325.216)	(4.813.422.327)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.035.159.975	4.813.422.327

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2006. Theo đó, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2010.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

18. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	60.097.877.619	33.133.761.288
Trừ: lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.641.153.438)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	58.456.724.181	33.133.761.288
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân	10.700.000	10.700.000
Lãi trên cổ phiếu	5.463	3.096

19. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng xây dựng, mua máy móc và trang thiết bị với chi tiết như sau:

Nhà cung cấp	Nội dung	VNĐ
Công ty Cổ phần kỹ thuật và ô tô Trường Long	Mua xe bồn tưới nước đường mô Phước Vĩnh	1.430.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 710	Sửa đường vào mô Tân Đông Hiệp	700.000.000
		2.130.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng /6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngoài ra, vào ngày 22 tháng 7 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 44121000124 cho Công ty thực hiện dự án đầu tư “Khai thác và chế biến mỏ cao lanh Minh Long” tại mỏ cao lanh Minh Long, ấp 1 và ấp 6, xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với công suất 380.000 m³/năm. Tổng vốn đầu tư của dự án là 139.377.853.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án là 28 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư.

20. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn	<u>2.218.263.927</u>	<u>2.123.227.049</u>

Tại ngày kết thúc giai đoạn, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng một năm	3.431.621.552	2.245.833.411
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	13.726.486.209	8.983.333.645
Sau năm năm	134.779.767.935	87.589.040.229
	<u>151.937.875.696</u>	<u>98.818.207.285</u>

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong giai đoạn như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VND
Lương	452.144.000	466.684.000
Tiền thưởng	150.000.000	44.000.000
Các khoản phúc lợi khác	431.850.000	394.686.960
	<u>1.033.994.000</u>	<u>905.370.960</u>

22. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty không trích lập dự phòng chi phí liên quan đến công tác phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có cơ sở cho việc trích lập này. Hiện tại, Công ty đã thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo đó, chi phí phát sinh liên quan đến công tác phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi thực tế phát sinh.

Số dư doanh thu nhận trước bao gồm 35.904.623.777 đồng của 6 (sáu) công ty có hoạt động kinh doanh thuộc ngành công nghiệp gây ô nhiễm. Ngày 16 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi Thông báo số 205/TB-UBND tới Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương yêu cầu thu hồi giấy phép đầu tư của những công ty nói trên. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có quyết định cuối cùng. Trong trường hợp các công ty này bị thu hồi giấy phép đầu tư, Công ty sẽ phải thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng /6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

toán lại toàn bộ số tiền đã nhận được trước đây của các công ty thuê đất cùng với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tính theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 5.303.566.704 đồng.

23. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON

Vào ngày 5 tháng 4 năm 2010, Công ty đã mua lại phần vốn góp của Công ty United Potteries Sài Gòn, chiếm tỉ lệ 51% vốn điều lệ trong Công ty Liên doanh United Potteries Bình Đức ("Bình Đức"), với giá mua là 3.167.400.600 đồng. Nghiệp vụ sáp nhập này đã được thực hiện theo giá trị sổ sách của Bình Đức tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý và đánh giá rằng giá trị hợp lý tương đương với giá trị sổ sách của Bình Đức tại ngày này, chi tiết như sau:

Giá trị tài sản thuần sáp nhập:	VNĐ
Tiền	408.763.908
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.038.952.705
Hàng tồn kho	1.976.153.043
Tài sản ngắn hạn khác	171.903
Tài sản cố định hữu hình	110.114.828
Chi phí trả trước dài hạn	52.221.573
Các khoản phải trả	(242.257.034)
	5.344.120.926
51% giá trị tài sản thuần	2.725.501.672
Giá mua	3.167.400.600
Lợi thế thương mại	441.898.928

Lợi thế thương mại phát sinh từ nghiệp vụ mua công ty con nêu trên được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong giai đoạn.

24. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 8 năm 2010.



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 8 năm 2010

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng